

Vài nét về Phật giáo Chămpa

BÁ TRUNG PHỤ^(*)

Đức Phật nhập cõi Niết Bàn vào khoảng năm 480 trước Công Nguyên và đạo lí của Ngài bắt đầu được truyền bá trong vùng lưu vực sông Hằng. Từ thế kỉ III đến thế kỉ II trước Công Nguyên, đạo Phật đã thịnh hành khắp Ấn Độ. Việc truyền bá Phật giáo được đẩy mạnh dưới thời vua A Dục (Asoka), một nhà vua mộ đạo, và dưới thời của hoàng tử Krishna. Tuy nhiên, Phật giáo phát triển rực rỡ ở Ấn Độ vào thế kỉ VII, rồi suy tàn bởi cuộc xâm lăng tàn khốc của người Islam giáo vào thế kỉ XIII. Từ đó, tôn giáo này bị Ấn Độ giáo lấn lướt, chỉ còn tồn tại một cách yếu ớt và phai nhạt ở các vùng Nepal và Ceylon.

Phật giáo trải qua nhiều cuộc phân liệt. Cuộc phân liệt lớn nhất của Phật giáo xảy ra vào thế kỉ I sau Công nguyên. Lúc ấy, nó bị chia thành hai tông phái lớn là Phật giáo Bắc Tông và Phật giáo Nam Tông như lịch sử đã ghi nhận.

Phật giáo Nam Tông thịnh hành ở phía nam Ấn Độ, kinh tạng và lối tu hành còn giữ nhiều quy chuẩn nguyên thủy của đạo Phật, nên còn gọi là Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada Buddhism). Tông phái này hiện nay thịnh hành ở Sri Lanka, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Lào và một số tỉnh Miền Nam Việt Nam, nơi có người Khmer sinh sống.

Phật giáo Bắc Tông thịnh hành ở phía bắc Ấn Độ và được biến cải rất nhiều. Tông phái này truyền sang các quốc gia

Nepal, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam.

Qua nghiên cứu về tiểu tượng học, chúng ta có thể rút ra một số đặc điểm về nghệ thuật tạo tượng Phật giáo: Đạo Phật không có một kiểu mẫu nhất định về hình tượng Đức Phật và các Bồ tát. Tiểu tượng học Phật giáo dựa trên những công thức có tính chất địa phương bao trùm lên toàn bộ nền văn hóa Á Đông.

Tại Ấn Độ, quê hương của Phật giáo, cũng có nhiều trường phái nghệ thuật:

- Trường phái Gandhara, ở vùng tây bắc, chịu ảnh hưởng nghệ thuật Hellénique của Hy Lạp.

- Trường phái Mathura, ở vùng trung du sông Hằng.

- Trường phái Gupta ở vùng Trung Ấn, có nhiều tháp cổ và vết tích còn hiện diện cho đến hiện nay.

- Trường phái nghệ thuật Amaravati ở vùng đông nam sông Krishna. Qua những hang động Ajanta ở Ấn Độ, hang Bamyan ở A Phú Hãn (Afganistan), hang Đông Hoàng ở Tân Cương, hang Vân Cương và Long Môn ở Trung Quốc, các ban thờ Nara ở Nhật Bản, chúng ta có thể quan sát và nhận ra những đặc điểm địa phương của tượng Phật.

Phật giáo du nhập vào Chămpa vào những năm trước Công nguyên qua con đường thương mại. Vào những thế kỉ

*. TS., Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh.

trước và sau Công nguyên, vương quốc Chămpa hình thành và phát triển trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thương mại. Cư dân Chămpa đã giao thương với các thương gia Ấn Độ, những người đã vượt biển sang buôn bán ở các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Chămpa. Đất nước Chămpa giàu có về vàng, trầm hương và các hương liệu khác đã hấp dẫn các thương nhân Ấn Độ. Ngoài việc buôn bán trao đổi sản phẩm với cư dân bản địa, người Ấn Độ còn truyền bá tôn giáo, tín ngưỡng của họ vào vùng đất này. Đó là Bà La Môn giáo và Phật giáo. Qua các di tích khảo cổ và các bia kí, vào khoảng đầu Công nguyên, chắc chắn đã có những cuộc giao lưu văn hóa, thương mại giữa người Ấn Độ và cư dân Chămpa. Trên cơ sở đó đã xuất hiện những tổ chức Phật giáo và Bà La Môn giáo đầu tiên ở vương quốc Chămpa cổ. Để minh chứng cho việc xuất hiện Phật giáo ở vùng đất này, chúng ta có thể điểm qua các di chỉ khảo cổ có liên quan đến dấu tích Phật giáo ở 22 địa điểm, trong đó địa bàn Miền Trung có 3 địa điểm (Hưng Ấn - Bình Thuận, núi Địa Điểm và hòn Santeô - Bình Định). Gần đây phát hiện thêm dấu chân khổng lồ ở bờ biển Sa Kỳ - Quảng Ngãi, có kích thước từ 0,3m đến 3m, rộng khoảng từ 0,15m đến 0,9m. Theo các nhà khảo cổ học, như K.C. Ananda, đây là dấu chân của tượng Phật có niên đại thế kỉ II trước Công nguyên khá phổ biến ở Ấn Độ. Những di tích trên cho thấy Phật giáo có thể đã xuất hiện rất sớm ở vương quốc Chămpa. Ngoài ra, bia Võ Cạnh có niên đại thế kỉ III cũng ghi lại những người lập ra vương quốc Chămpa bằng chữ Phạn. Điều này chứng minh, thời kì này, vương quốc Chămpa chịu ảnh hưởng sâu sắc nền văn minh Ấn Độ. Đặc biệt, trong một bia kí mà Louis Finot đã dịch ra, có nội dung như sau: “Trên trần thế này là không vĩnh cửu; ý nghĩa về sự hóa kiếp này sang kiếp khác, lòng thương chúng sinh, sự hi sinh cái của mình cho lợi ích của người khác”. Tất cả những cứ liệu trên chứng tỏ hậu duệ của Crimara có khuynh hướng rõ rệt về đạo Phật và có

thể kết luận rằng ông vua đó thuyết giảng Phật giáo. Tấm bia trên có niên đại thế kỉ II sau Công nguyên và được coi là tấm bia sớm nhất ở Đông Nam Á. Qua đó cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo đã phát triển sâu sắc ở vương quốc Chămpa cổ đại.

Các công trình nghiên cứu đã cho thấy Phật giáo Chămpa theo Phật giáo Đại Thừa. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều tượng Phật trong các di chỉ vùng Indrapura, Vijaya, Khauthara và Panturanka. Đặc biệt là tượng các nữ thần Phật giáo Mật tông mà phổ biến nhất là Bồ tát Prana Paramita, Bồ tát Avalokitesvara (Quán Thế Âm) và Lokeshvara (Nam Phật). Những vị Bồ tát này là Phật Amitaba hay A Di Đà hiện thân để cứu độ chúng sinh. Một số tượng Phật bằng đồng tìm thấy tại động Phong Nha cho thấy sự có mặt của Phật giáo ở khu vực này vào thế kỉ IX, thời kì hưng thịnh nhất của Phật giáo Chămpa. Đạo Phật được nhà vua Indravarman II cho xây dựng tại Indrapura (Quảng Nam - Đà Nẵng) một tự viện lấy tên là Laskmida Lokeshvara vào năm 875. Ngày nay, khu di tích Đồng Dương gồm 30 kiến trúc bị hư hại hoàn toàn chỉ còn lại nền móng cùng các tượng đá và bàn thờ Phật hiện trưng bày trong Bảo tàng Điêu khắc Chăm - Quảng Nam đã chứng minh cho triều đại Phật giáo Đại Thừa. Đặc biệt Phật giáo Chămpa có sự giao thoa với tín ngưỡng Bà La Môn giáo (Siva giáo).

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, chẳng hạn như động Phong Nha, có nhiều di tích Phật giáo như một pho tượng làm bằng đất nung có kích thước 8cm-10cm, trong đó có bia kí “Dạng chữ Chăm cổ nhưng rất khó cho việc dập lại chính xác. Tuy nhiên cũng đã đọc được Curiputra phù hợp với tính chất Phật giáo trong hang động này”. Tại động Lạc Sơn (huyện Tuyên Hóa) có những động được người Chăm biến thành nơi thờ Phật. Tại Quảng Khuê sưu tầm được một đầu tượng Bồ tát (Boddhisatva) chịu ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật Trung Quốc, tượng này có niên đại thế kỉ IV-V. Ngoài ra còn có tượng Quan Âm nguồn gốc Mỹ Đức, thể

hiện trong tư thế đứng, đội mũ chóp nhiều tầng thu nhỏ dần lên cao, gương mặt thể hiện sự phúc hậu, hai tay trước đưa ngang, một tay cầm hoa sen, một tay cầm bình nước Cam lồ, cổ đeo vòng trang sức, cánh tay có đeo vòng tay, y phục kiểu Sampot. Đặc biệt vùng Quảng Ngãi, kế cận phía nam Phật điện Đồng Dương (Quảng Nam), năm 1948 khi khai quật di tích núi Chối đã tìm được lò nung tiểu phẩm Phật giáo bằng đất nung có đến 71 mảnh hình lá nhĩ, trong đó có 35 cái còn nguyên, trong lòng thể hiện sáu nét khắc họa Đức Phật đang thuyết pháp với hai đệ tử đứng hai bên, phía sau Đức Phật có vầng hào quang. Đây có thể là loại tượng Phật được Phật tử đem cúng dường vào chùa Phật giáo.

Đầu thế kỉ XX, các nhà khảo cổ học đã khai quật các di tích từ Quảng Bình cho đến vùng đất phía nam Panturanger (Ninh Thuận - Bình Thuận) có hàng chục di tích và hàng trăm hiện vật mang dấu ấn Phật giáo, trong đó phải kể đến sưu tập tượng Phật Chămpa tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Có 6 tượng Phật Chămpa bằng đồng có nguồn gốc sưu tầm ở Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Thuận, đặc biệt là các pho tượng sau đây:

* Tượng Phật Avalokitesvara ở Đại Hữu - Quảng Bình, cao 34cm với tư thế đứng, đầu đội mũ 3 tầng trang trí hoa văn tinh xảo, đeo hai bông tai dài chấm ngang vai, khuôn mặt phúc hậu, mắt nhìn xa xăm, trang trí vòng 2 bắp tay, tay cầm nụ sen, tay cầm con ốc, thân mình thon gọn để trần, mặc váy Sampot 2 tầng, tượng có niên đại thế kỉ VII.

* Tượng Phật ngồi kiết già cao 15cm với khuôn mặt hiền hậu, có đặc trưng của tượng Phật Ấn Độ, phong cách Amaravati (thế kỉ II-IX).

* Tượng Phật Đồng Dương: tượng Phật Thích Ca Mâu Ni cao 1,22m. Đây là pho tượng nổi tiếng nhất của vương triều Đồng Dương có niên đại thế kỉ III. Tượng tạc theo tư thế đang đứng thuyết pháp. Tượng Phật được các nghệ nhân khắc họa với khuôn mặt phúc hậu, đôi mắt sáng đang nhìn xa xăm,

muốn giải thoát con người khỏi dục vọng trần thế, với một tay bắt ấn, một tay cầm Cà sa phủ kín một vai, đôi chân đứng trên bệ sen.

Dẫn chứng một vài pho tượng trên để thấy rằng, Phật giáo Chămpa một thời đã du nhập vào vùng đất này và phát triển hưng thịnh. Tuy nhiên, quá trình tiếp thu văn hóa Ấn Độ cũng chính là quá trình bản địa hóa, Chămpa hóa các yếu tố văn hóa ngoại lai để hình thành nên văn hóa Chămpa đặc sắc, do vậy, Phật giáo Chămpa cũng mang một số nét khác biệt so với Phật giáo của một số nước Đông Nam Á. Sự thay đổi chủ yếu dựa vào giáo lí và sự phát triển của tông phái Phật giáo dựa vào niềm tin có thể giải thoát cho tất cả mọi người thay vì quan niệm chỉ giải thoát cho một số ít người. Việc phân li tôn giáo này đánh dấu bởi sự xuất hiện của Phật giáo Đại Thừa (Mahayana Buddhism) khác biệt với Phật giáo Tiểu Thừa (Hinayana Buddhism) và Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada Buddhism). Hai tông phái khác nhau chủ yếu ở chỗ Phật giáo Đại Thừa đặt ra vấn đề tự giác giác tha, coi trọng việc giải thoát cho đồng đạo chúng sinh và đề cao hạnh Bồ tát, một nhân vật Phật giáo có công đức lớn trong việc cứu độ các Phật tử Chămpa. Ngoài ra, theo Phật giáo Đại Thừa, thuyết nhất nguyên của vũ trụ có thể hiểu được một khi vô minh bị đẩy lùi, giải thoát cho các Phật tử để thực hiện Niết Bàn ngay tại thế gian này.

Nghiên cứu về Phật giáo Chămpa để thấy Phật giáo đóng một vị trí khá quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Chămpa, đồng thời nó tồn tại và phát triển cùng với Bà La Môn giáo từ thế kỉ đầu trước Công nguyên đến thế kỉ IX sau Công nguyên. Phật giáo Chămpa có sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên. Phật giáo đã tạo ra sự cân bằng giữa hai thế giới, mang tới một chiều sâu tinh thần cho mọi thể chất. Vì vậy, Phật giáo đóng vai trò khá quan trọng trong xã hội Chămpa xưa, góp phần làm nên diện mạo nền văn hóa Chămpa rực rỡ./.